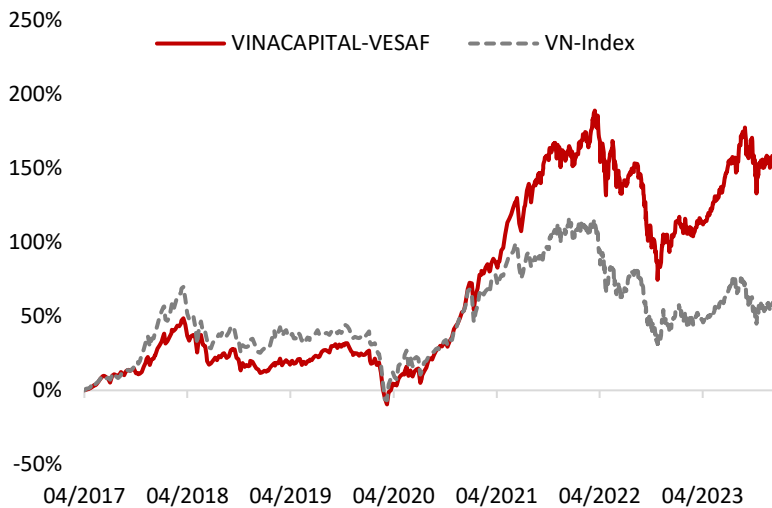


VINACAPITAL-VESAF

Chiến lược đầu tư

Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,505.4	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	25,833.6	
Lợi nhuận tháng 12/2023 (%)	2.5	3.3
Lợi nhuận từ đầu năm 2023 (%)	30.9	12.2
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	18.2	0.8
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	15.2	7.2
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	158.3	59.3

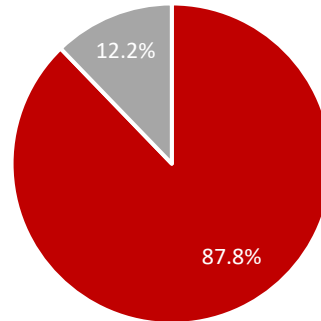
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	1.5% >= 12 tháng
	0.5% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

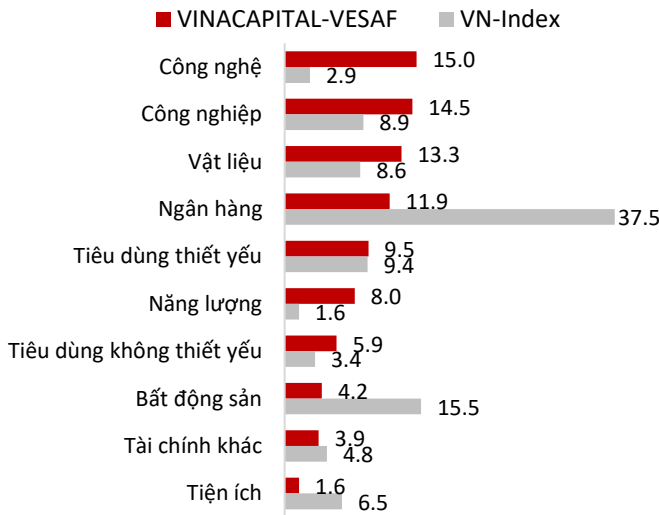
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E 2024 (x)	8.9	9.5
Chỉ số P/B 2024 (x)	1.8	1.5
Chỉ số ROE 2024 (%)	16.5	15.3
Tỷ suất cổ tức (%)	3.0	3.1
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	21.2	-
Hệ số Sharpe	0.5	0.2
Số lượng cổ phiếu	27.0	420

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bố theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	15.0
MBB	Ngân hàng	7.4
QNS	Tiêu dùng thiết yếu	5.0
STB	Ngân hàng	4.5
FMC	Tiêu dùng thiết yếu	4.5
SZC	Công nghiệp	4.5
PVS	Năng lượng	4.3
PTB	Vật liệu	3.8
DPR	Vật liệu	3.5
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	3.0

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Sau khi tăng 6,4% trong tháng 11, chỉ số VN-Index tiếp tục tăng 3,3% trong tháng 12. Mức tăng trong tháng 12 diễn ra tương đối đồng đều ở tất cả các ngành, ngoại trừ ngành Năng lượng giảm 0,6%, và ngành Hàng tiêu dùng không thiết yếu có mức tăng tương đối vượt trội (+7,5%), dẫn dắt bởi MWG (+11,2%).

Thanh khoản tháng 12 giảm nhẹ 4% so với tháng trước, với giá trị giao dịch trung bình trên cả 3 sàn đạt 18,5 nghìn tỷ đồng/ngày. Thị trường đã chịu áp lực bán ròng khá lớn từ khối ngoại với giá trị bán ròng lên đến 10,1 nghìn tỷ đồng tính trên cả 3 sàn. Kể từ năm 2015, đây là một thể giới và một phần hành động chốt lãi từ các nhà đầu tư Thái Lan trước khi luật thuế mới đối với thu nhập từ đầu tư ở nước ngoài có hiệu lực ngay từ đầu năm 2024. Do đó, nhiều khả năng là áp lực bán ròng lớn như vậy chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

Nguyên nhân chính của việc khối ngoại bán ròng mạnh trong tháng 12 đến từ việc tái cơ cấu danh mục của các quỹ ngoại vào thời điểm cuối năm trước những thay đổi về tình hình kinh tế thế giới và một phần hành động chốt lãi từ các nhà đầu tư Thái Lan trước khi luật thuế mới đối với thu nhập từ đầu tư ở nước ngoài có hiệu lực ngay từ đầu năm 2024. Do đó, nhiều khả năng là áp lực bán ròng lớn như vậy chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

Về dữ liệu vĩ mô quý 4, tăng trưởng GDP quý 4/2023 đạt 6,72% so với cùng kỳ năm trước, đưa mức tăng trưởng GDP cả năm 2023 lên 5,05%, xác nhận xu hướng phục hồi của nền kinh tế. Tăng trưởng GDP quý 4 được thúc đẩy nhờ khu vực công nghiệp và xây dựng (tăng 7,35% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 42,6% vào mức tăng trưởng thêm của nền kinh tế) và khu vực dịch vụ (tăng 7,29%, đóng góp 49,9% vào tăng trưởng). Đáng chú ý, trong khu vực dịch vụ, hoạt động kinh doanh bất động sản ghi nhận mức tăng trưởng 2,1% trong quý 4 so với cùng kỳ, chấm dứt chuỗi suy giảm liên tiếp trong ba quý trước, cho thấy ngành bất động sản bước đầu đã có sự cải thiện.

Tính trong cả năm 2023, chỉ số VN-Index tăng 12,2%. Dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động trong năm, chúng tôi cho rằng đây là mức tăng tương đối hợp lý xét tới cả những yếu tố tích cực lẫn tiêu cực trên thị trường về cả vĩ mô lẫn tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết, cũng như phản ánh một phần những kỳ vọng về thị trường chứng khoán năm 2024.

Bước sang năm 2024, chúng tôi cho rằng sự phục hồi của nền kinh tế và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết, lãi suất được duy trì ở mức thấp và khả năng nâng hạng lên thị trường mới nổi của thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ là các yếu tố hỗ trợ cho thị trường. Cùng với mức định giá hợp lý (P/E cho năm 2024 đang ở mức khoảng 10 lần), chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ có triển vọng tích cực trong năm 2024.

CẬP NHẬT QUỸ VINACAPITAL-VESAF

Kết thúc năm 2023, quỹ VINACAPITAL-VESAF đã đạt mức tăng trưởng 30,9% so với cuối 2022 và tăng trung bình 18,2%/năm trong 3 năm gần nhất. Với chiến lược lựa chọn cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng dài hạn cao dựa trên những lợi thế cạnh tranh ngách và chiến lược kinh doanh năng động, danh mục của quỹ luôn có mức định giá hấp dẫn hơn và tăng trưởng lợi nhuận trung bình của các công ty trong danh mục cao hơn thị trường chung. Vào cuối năm 2023, danh mục VINACAPITAL-VESAF có định giá 2024 P/E là 8,9x và tăng trưởng EPS dự phóng 2024 là 42,4%.

Trong tháng 12, FPT và MBB đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng của danh mục với mức tăng lần lượt là 4,6% và 4,8%. Cổ phiếu nhóm ngân hàng bắt đầu thu hút dòng tiền tốt hơn nhờ định giá rẻ và triển vọng phục hồi kinh tế trong nước, trong đó những ngân hàng có chi phí vốn thấp, nguồn khách hàng đa dạng và sự linh hoạt trong chiến lược tăng trưởng tín dụng bất động sản trong bối cảnh thị trường bất động sản nhà ở có dấu hiệu ấm lên dần được xem là một cơ hội đầu tư hợp lý trong 2024.

Năm 2024 chúng tôi hướng đến một danh mục tập trung các công ty có sự phục hồi về doanh thu và lợi nhuận, với danh mục tăng tỷ trọng các ngành tiêu dùng, bất động sản và hạ tầng. Những công ty tỏa sáng nhờ khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận cao hơn thị trường chung sẽ có mức định giá cao hơn.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2021	1.2%	12.5%	1.4%	3.4%	14.1%	6.3%	-1.2%	6.2%	3.7%	6.7%	0.0%	-0.7%	67.0%
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%	-2.9%	-5.8%	-1.6%	5.5%	-10.2%	-11.3%	-1.8%	-0.1%	-24.4%
2023	9.9%	-5.2%	2.1%	1.8%	5.7%	3.5%	9.4%	3.8%	-1.2%	-11.2%	8.2%	2.5%	30.9%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.